TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-DS	*Pleiku, ngày 11 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chỉ định người giám hộ cho người chưa thành niên

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Công Tồn

Thư ký phiên họp: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "*Yêu cầu chỉ định người giám hộ*" theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 28/67 đường Phùng Khắc Khoan, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai Lai. *Có mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013; địa chỉ: Số 28/67 đường Phùng Khắc Khoan, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai Lai. *Vắng mặt*.

2. Chị Trần Thị Hoàng V, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố Đạt Hiếu 6, phường H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. V*ắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự "về việc yêu cầu xác định người giám hộ" của người yêu cầu là bà Lê Thị N, nội dung sự việc như sau:

Bà Lê Thị N có con trai tên Lê Hữu D và con dâu Trần Thị Hoàng V đã ly hôn theo Bản án số 57/2018/HNGĐ-ST ngày 06-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Quyết định anh Lê Hữu D và chị Trần Thị Hoàng V ly hôn và giao cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013 cho anh Lê Hữu D trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, kể từ đó cháu Lê Quy L sống chung với cha của cháu là anh Lê Hữu D tại phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai, tuy nhiên thực tế từ năm 2018 cháu Lê Quy L sống chung với bà nội của cháu là bà Lê Thị N tại Số nhà 28/67 đường Phùng Khắc Khoan, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho đến nay. Đến khi anh Lê Hữu D chết vào ngày 12-12-2023 thì cháu Lê Quy L vẫn sống cùng với bà Lê Thị N là bà nội của cháu Lê Quy L. Hiện nay cháu L đang học lớp 5^1 tại Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Từ khi cha mẹ cháu ly hôn với nhau, mẹ cháu là chị Trần Thị Hoàng V đã chuyển đến thị xã B, tỉnh tỉnh Đắk Lắk sinh sống và ít khi về thăm hỏi, chăm sóc cháu L mà chỉ có cha cháu là Lê Hữu D chăm lo cho cháu. Sau khi cha cháu L là Lê Hữu D đã chết thì không có người giám hộ cho cháu L. Vì vây, bà Lê Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giải quyết việc dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku chỉ định bà Lê Thị N làm người giám hộ cho cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013 để thuận lợi cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và thực hiện các giao dịch dân sự có liên quan đến người chưa thành niên.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến chị Trần Thị Hoàng V là mẹ của cháu L để chị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên chị vắng mặt, không bản khai nộp cho Tòa án và ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà N tại phiên họp.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có ý kiến: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu chỉ định người giám hộ cho người chưa thành niên là đúng thủ tục và thẩm quyền, có căn cứ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nhận định:

[1] Người yêu cầu là bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án chỉ định bà là người giám hộ cho cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013 theo quy định tại khoản 10 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu có nơi cư trú tại phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị N, yêu cầu Tòa án chỉ định bà làm người giám hộ cho người chưa thành niên là cháu Lê Quy L, thấy rằng theo Bản án số 57/2018/HNGĐ-ST ngày 06-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, thì anh Lê Hữu D, chị Trần Thị Hoàng V đã ly hôn và có con chung là cháu Lê Quy L được giao cho anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đến ngày 12-12-2023 anh D bố của cháu Lê Quy L đã chết theo Trích lục khai tử (bản sao) số 430/TLKT-BS ngày 13-12-2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh

Gia Lai, còn mẹ cháu L sau khi ly hôn đã chuyển đến thị xã B, tỉnh tỉnh Đắk Lắk sinh sống và ít khi về thăm hỏi, chăm sóc cháu L, nên cháu L không có người giám hộ. Hiện nay cháu L vẫn tiếp tục sống chung với bà nội là bà Lê Thị N, do đó bà Lê Thị N là bà nội của cháu Lê Quy L là người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án chỉ định người giám hộ cho cháu nội là cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013 theo quy định tại khoản 1 Điều 376 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án chỉ định bà là người giám hộ cho cháu Lê Quy L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến chị Trần Thị Hoàng V là mẹ của cháu L để chị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên chị vắng mặt, không có bản khai nộp cho Tòa án và ý kiến trình bày theo đơn yêu cầu chỉ định bà N làm người giám hộ cho cháu L. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo Bản án số 57/2018/HNGĐ-ST ngày 06-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, thì chị V và anh D có 01 con chung là cháu Lê Quy L, sinh ngày 05-01-2013, do đó có cơ sở xác định cháu L không có anh chị ruột, nên bà nội là bà Lê Thị N làm giám hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, tại văn bản trình bày ngày 08-01-2024 của cháu Lê Quy L thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà nội là bà Lê Thị N tại số nhà 28/67 đường Phùng Khắc Khoan, tổ 13 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và đồng ý bà Lê Thị N là người giám hộ cho cháu theo quy định tài Điều 54 Bộ luật Dân sự.

[5] Về điều kiện của người giám hộ thị thấy rằng, bà Lê Thị N là người có năng lực hành vi dân sự, có tư cách đạo đức, có điều kiện làm người giám hộ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Dân sự.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị N phải chịu tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40; các Điều 144, 149, 361, 367, 371, 372 và Điều 376 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 46, 47, 49, 52, 54, 55, 56 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chỉ định người giám hộ của bà Lê Thị N.

Chỉ định bà Lê Thị N, sinh năm 1963 làm người giám hộ cho cháu Lê Quy L, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001200 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà Lê Thị N đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- THADS TP.Pleiku;
- Đương sự;
- UBND phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, Gia Lai;
- Lưu HS.

Phan Công Tồn

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……./QĐST-……[2]	*……, ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v[3]……..

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: [4] Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[5] .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp: Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại[6] .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc[7] …….theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-…… ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân ……..nhận định:[18]

[1] .....

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....

.....

- [20].....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP [24]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

"THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN[6]

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSND cùng cấp (để biết);
- TAND cấp phúc thẩm;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Cục/Chi cục THADS .....;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT (VP, ...), hồ sơ vụ án.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 85:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra Quyết định giám đốc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ghi năm ban hành Quyết định giám đốc thẩm.

(3) (4) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ nguyên đơn/bị đơn; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức là nguyên đơn/bị đơn. Cần lưu ý đối với cá nhân thì tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A).

(5) Trường hợp hủy toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì bỏ "về phần..."; trường hợp kháng nghị một phần bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì ghi cụ thể phần bị hủy (ví dụ: về phần bồi thường thiệt hại...".

(6) Trường hợp Chánh án uỷ nhiệm cho Phó Chánh án làm Chủ tọa phiên tòa giám đốc thẩm thì ghi như sau:

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN/ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA